TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-PT
Ngày 29-3-2023
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản
là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Vũ Quang Trung

Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 12/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T, cùng địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; ông H có mặt, bà T vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị H: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01/12/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị H: Ông Vũ Công D - Luật sư Văn phòng Luật sư Bảo Hiến, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N; nơi ĐKHKTT: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nơi tạm trú: khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Số 5 đường Đà Nẵng, thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Văn V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 10867/QĐ-UBND ngày 13/6/2022); vắng mặt (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Năm 2018, Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T quyền sử dụng 590m^2 đất tại thửa số 262, tờ bản số số 05 tại thôn N, xã M, huyện T, Hải Phòng. Ngày 14/9/2018, ông H và bà T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999. Trước khi chuyển nhượng thửa đất trên cho ông H và bà T, ông V cho bà H (là chị dâu của ông V) ở nhờ. Sau khi làm xong thủ tục chuyển nhượng, bà H hẹn từ 03 tháng đến 06 tháng sẽ chuyển đi để trả lại nhà đất cho ông H và bà T; khi bà H trả lại nhà, ông H và bà T sẽ hỗ trợ bà H 20.000.000 đồng. Đến khi hết thời hạn nêu trên, bà H vẫn không chuyển đi để trả lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông H, bà T nên ông H và bà T khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa số 262, tờ bản đồ số 05, địa chỉ thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguồn gốc thửa đất trên là của bố mẹ chồng bà H là cụ Hà Văn L và cụ Trịnh Thị Đ để lại. Quá trình chung sống cùng bố mẹ chồng, vợ chồng ông bà đã xây dựng công trình phụ và sử dụng ổn định lâu dài cho đến nay. Cụ L và cụ Đ khi chết không để lại di chúc và không có sự thống nhất của 06 anh chị em trong gia đình nên không phân chia thửa đất trên mà giao cho bà H là dâu trưởng trực tiếp trông coi và thờ cúng tổ tiên. Ông V, bà N không có quyền chuyển nhượng

quyền sử dụng đất thửa đất này cho ông H, bà T nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07/4/2022, TAND huyện Thủy Nguyên đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn gồm các yêu cầu:

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564177 do UBND huyện T cấp ngày 22/4/2005 cho Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N vì đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở ngày 26/11/2004 không có giá trị pháp lý.

- Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông V, bà N và ông H, bà T là vô hiệu.

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14/9/2018 cho ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà H đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu và thực hiện trưng cầu giám định chứng cứ bị tố cáo là giả gồm: Các tài liệu trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Hà Văn V, bà Bùi Thị N là giả mạo, đề nghị Tòa án thu thập hồ sơ gốc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, bà N để trưng cầu giám định; Thu thập chứng cứ làm rõ "đơn chuyển nhượng thừa kế đất ở"; chữ ký của Ông Hà Văn V trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Triệu tập anh chị em ruột của Ông Hà Văn V để lấy lời khai xác minh chữ ký trong đơn chuyển nhượng thừa kế đất ở". Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết theo thẩm quyền.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Hà Văn V trình bày tại giai đoạn sơ thẩm: Năm 2004 ông được bố mẹ là cụ Hà Văn L và cụ Trịnh Thị Đ tặng cho quyền sử dụng 590m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa số 262 tờ bản đồ 05, tại thôn N, xã M, huyện T. Ngày 22-4-2005 UBND huyện T đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00629/H/2005 cho Ông Hà Văn V, bà Bùi Thị N; trong đó có tài sản trên đất là nhà cấp 4. Năm 2017 ông V, bà N đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên cho ông H, bà T. Trước khi chuyển nhượng cho ông H bà T thì nhà và đất trên ông bà cho bà H (chị dâu) ở nhờ. Khi ông V, bà N chuyển nhượng cho ông H, bà T thì có gọi cả bà H cùng nhau thỏa thuận như sau: Ông H cho bà H ở nhờ trong khoảng thời gian từ 3 tháng đến 6 tháng và ông H sẽ hỗ trợ tiền di dời chỗ ở cho bà H là 20.000.000 đồng. Đến nay không hiểu vì lý do gì bà H vẫn không trả tài sản trên cho ông H, bà T. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Phạm Thị H trả lại quyền sử dụng đất trên cho ông H, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện T có quan điểm: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564177 số vào sổ cấp 00629/H/2005 ngày 22-4-2005 cho Ông Hà Văn V, bà Bùi Thị N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14-9-2018 cho ông Nguyễn

Văn H, bà Hà Thị T đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 273 của BLTTDS; Điều 117, 163,164,166, Bộ luật Dân sự, Điều 166, 170 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị T. Buộc bà Phạm Thị H phải trả lại quyền sử dụng 590m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa số 262 tờ bản đồ 05, tại thôn N, xã M, huyện T đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 ngày 14-9-2018 cho ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H về việc hỗ trợ 20.000.000 đồng cho bà Phạm Thị H để bà H di chuyển các tài sản trên thửa đất số 262 tờ bản đồ 05, tại thôn N, xã M, huyện T.

Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 8 năm 2022, bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/D

S-ST ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên với những nội dung như sau:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T

- Tuyên bố văn bản "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26/11/2004 không có giá trị pháp lý, không hợp pháp;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564177, số vào sổ cấp 00629/H/2005 do UBND huyện T cấp ngày 22/4/2005 tại thửa đất số 262, tờ bản đồ số 05 tại thôn N, xã M, huyện T cấp cho Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N vì không có căn cứ để Nhà nước công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho diện tích nhà đất trên.

- Tuyên bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N với ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị T là vô hiệu.

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số: CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14/9/2018 tại thửa đất số 262, tờ bản đồ số 05 tại thôn N, xã M, huyện T cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Vợ chồng ông H, bà T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của vợ chồng ông V, bà N. Do vợ chồng nguyên đơn sinh sống gần đó nên biết nhà đất trên thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông V, bà N. Khi nhận chuyển nhượng, nguyên đơn biết việc bà H đang ở trên nhà đất nói trên và đã gặp bà H để nói chuyện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất với ông V, bà N; bà H chỉ nói hỗ trợ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng để chuyển chỗ ở nên tôi và ông V đồng ý và thống nhất cho bà H ở nhờ từ 03 đến 06 tháng phải chuyển đi. Như sau đó bà H không chuyển đi để trả lại nhà, đất cho tôi nên vợ chồng tôi đã làm đơn khởi kiện đếm Tòa án đòi tài sản. Phía nguyên đơn nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trần Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa trình bày: Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Bị đơn cho rằng tài sản mà nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn trả lại là di sản thừa kế của cụ L và cụ Đ chứ không phải tài sản của ông V và bà N. Căn cứ kháng cáo: Chữ ký của ông V trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mang tên ông V, bà N) và chữ ký ông V trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26/11/2004 là khác nhau. Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở ngày 26/11/2004 có chữ ký đủ 06 người con của cụ L và cụ Đ nhưng chưa có căn cứ khẳng định đây đúng là chữ ký của các con hai cụ; do ông Ninh khẳng định không ký vào văn bản này, ông V có nhiều chữ ký khác nhau. Thực tế chỉ có 4/6 người con của cụ L và cụ Đ đồng ý việc chuyển nhượng nhà đất cho ông V. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ về việc xác nhận chữ ký của các người con của cụ L và cụ Đ trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở". Tòa án cấp sơ thẩm cũng không làm rõ sự thật khách quan của vụ án khi không thu thập tài liệu, chứng cứ để tiến hành giám định chữ ký của cụ Đ và dấu vân tay của cụ L trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26/11/2004. Vì dấu vân tay của cụ L có thể thu thập ở phòng tàng thư căn cước công dân - Công an thành phố Hải Phòng. Hơn nữa, bị đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông V, bà N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông H, bà T thì vụ án phải thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

nhưng Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên không chuyển thẩm quyền và vẫn giải quyết, xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ; các đương sự về cơ bản đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự;

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của bị đơn: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp theo sổ mục kê năm 1992 là thửa đất 262 tờ bản đồ số 05 tại thôn 2 xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng đứng tên cụ Hà Văn L diện tích 646m^2. Vì quyền sử dụng đất và tài sản trên đất này là của cụ L và cụ Đ nên hai cụ có quyền thừa kế, tặng cho, chuyển nhượng cho mà không cần đến sự đồng ý của tất cả các con. Ngày 26-11-2004 cụ Hà Văn L và cụ Trịnh Thị Đ đã làm đơn chuyển nhượng thừa kế đất ở cho Ông Hà Văn V. Do vậy yêu cầu xác định chữ ký của những người con của cụ L và cụ Đ; cũng như yêu cầu giám định dấu vân tay của cụ L và chữ ký của cụ Đ trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26-11-2004 theo yêu cầu của bị đơn là không cần thiết. Hơn nữa, đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở ngày 26-11-2004 là tài liệu chứng cứ trong việc chia thừa kế nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố về chia thừa kế của bị đơn nên nếu các đương sự có yêu cầu có thể giải quyết bằng vụ án dân sự khác, không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn. Nguyên đơn ông H, bà T là bên thứ ba đã nhận chuyển nhượng hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất từ ông V, bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T có căn cứ cần chấp nhận. Từ đó, không có căn cứ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14/9/2018 mang tên ông cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Hà Thị T cũng như Giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564177 do UBND huyện T cấp ngày 22/4/2005 mang tên Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết, xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Phạm Thị H - người kháng cáo được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có người đại diện theo ủy quyền là chị Trần Thị H tham gia phiên tòa; nguyên đơn bà Hà Thị T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa nên nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Hà Thị T; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Xét kháng cáo của bị đơn - Bà Phạm Thị H: Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3] Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp theo sổ mục kê năm 1992 là thửa đất 262 tờ bản đồ số 05 tại thôn 2 xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng đứng tên cụ Hà Văn L diện tích 646m^2. Ngày 26-11-2004 cụ Hà Văn L và cụ Trịnh Thị Đ đã làm đơn chuyển nhượng thừa kế đất ở cho Ông Hà Văn V.

[4] Đa số các thành viên trong gia đình và xác minh tại UBND xã, theo sổ mục kê, bản đồ giải thửa đều xác định thửa đất số 262 tờ bản đồ số 05 tại thôn 2 xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên là tài sản của cụ L và cụ Đ. Bị đơn cung cấp tài liệu thể hiện năm 1990 cụ L và cụ Đ đã chuyển nhượng (giấy viết tay) thửa đất trên cho vợ chồng bà Ý, ông Bích với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, bà Láng là em gái cụ L đã bỏ số tiền 6.000.000 đồng chuộc lại tài sản nhà đất trên cho vợ chồng cụ L, cụ Đ. Như vậy, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 262 tờ bản đồ số 05 tại thôn 2 xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên vẫn thuộc quyền sở hữu, sử dụng của cụ L và cụ Đ nên hai cụ có quyền chuyển nhượng, tặng cho tài sản trên mà không cần đến sự đồng ý của tất cả các con. Do vậy yêu cầu xác định chữ ký của những người con của cụ L và cụ Đ trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26-11-2004 theo yêu cầu của bị đơn là không cần thiết.

[5] Cụ L và cụ Đ đã làm đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26-11-2004 nội dung chuyển toàn bộ diện tích đất đang ở cho con trai là Ông Hà Văn V. Khi hai cụ làm giấy chuyển nhượng và khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V, tất cả các thành viên trong gia đình đều biết nhưng không có ý kiến gì. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 564177 do UBND huyện T cấp ngày 22/4/2005 tại thửa đất số 262, tờ bản đồ số 05 tại thôn N, xã M, huyện T cấp cho Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N diện tích 590m^2 và tài

sản trên đất là nhà ở cấp 4 diện tích 110m^2. Sau đó, vợ chồng ông V, bà N đã chuyển nhượng nhà và đất nói trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Hà Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã được làm thủ tục công chứng hợp pháp ngày 13/12/2017. Ông V, bà N cũng thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho ông H, bà T và xác nhận khi chuyển nhượng; ông V, bà N và ông H, bà T đã thống nhất cho bà H tiếp tục sinh sống trên đất trong vòng từ 03 tháng đến 06 tháng rồi sẽ chuyển đi, ông H, bà T đồng ý hỗ trợ bà H 20.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Sau khi nhận chuyển nhượng, bên mua là ông H và bà T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14/9/2018. Như vậy, ông H và bà T là bên thứ ba đã nhận chuyển nhượng hợp pháp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất từ ông V, bà N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T có căn cứ cần chấp nhận. Từ đó, không có căn cứ hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14/9/2018 mang tên ông cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Hà Thị T.

[6] Bị đơn cho rằng trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" cụ L và cụ Đ chỉ ghi "tôi làm đơn này chuyển toàn bộ phần đất ở hiện tại cho cháu Hà Văn Vinh được quyền sử dụng" mà không ghi rõ số thửa cũng như diện tích. Tuy nhiên, tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đồng thể hiện cụ L và cụ Đ ở trên thửa đất 262 tờ bản đồ số 05 xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên; bị đơn cũng xác nhận đây là thửa đất bố mẹ chồng ở nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất cụ L, cụ Đ ghi "hiện tại" trong đơn chuyển nhượng đất ở (tặng cho) anh Vinh là thửa 262 tờ bản đồ số 05 xã Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

[7] Về yêu cầu giám định chữ ký của cụ Đ và vân tay của cụ L trong "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26/11/2004, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn vì lý do bị đơn không cung cấp được tài liệu; hiện tại Lai và cụ Đ đều đã chết, Tòa án không thể lấy mẫu vân tay của cụ L và mẫu chữ ký của cụ Đ để đối chiếu, giám định và không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để thu thập mẫy dấu vân tay của cụ L. Hội đồng xét xử xét thấy việc giám định chữ ký của cụ Đ và vân tay của cụ L để xác định tính hợp pháp của "Đơn xin chuyển nhượng thừa kế đất ở" ngày 26/11/2004 và là căn cứ của việc giải quyết vụ án chia thừa kế đối với di sản của cụ L và cụ Đ. Tuy nhiên, như đã phân tích do không có căn cứ để hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 do UBND huyện T cấp ngày 14/9/2018 cho chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Hà Thị T; hơn nữa Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố chia thừa kế của bị đơn nên nếu các bên có yêu cầu chia thừa kế sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã có những thiếu sót trong tố tụng, cẩu thả trong việc tống đạt cho đương sự cần nghiêm túc rút kinh nghiệm:

[9] Bà Hà Thị T là nguyên đơn nhưng không có quan điểm và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm. Thủ tục tống đạt trong hồ sơ vụ án cho bà T hoàn toàn do ông Nguyễn Văn H (là chồng) nhận thay và Tòa án không xác minh lại xem ông H đã giao được các văn bản của Tòa án cho bà T hay chưa. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm quyền lợi của bà T được đảm bảo; tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà T đã lên Tòa án và có quan điểm về việc giải quyết vụ án nên vi phạm này là không nghiêm trọng. Thủ tục tống đạt cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Do Ông Hà Văn V và bà Bùi Thị N ở xa, không đến Tòa án làm việc và có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết vụ án, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nhưng không có xác nhận chữ ký của đương sự. Tuy nhiên, khi có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V, bà N xác nhận đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đề nghị xét xử vắng mặt, có xác nhận chữ ký của trưởng khu nơi cư trú.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần mặc dù bản án sơ thẩm có những thiếu sót trong tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; nếu bị đơn có yêu cầu chia thừa kế sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác. Hơn nữa, nguyên đơn là bên thứ ba đã nhận chuyển nhượng hợp pháp và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tam ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007523 và số 0007524 ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bị đơn bà Phạm Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nhưng bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 116; 117; 163; 164; 166 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ vào Điều 166 Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị H

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị T. Buộc bà Phạm Thị H phải trả lại quyền sử dụng 590m^2 đất và tài sản trên đất tại thửa số 262 tờ bản đồ 05, tại thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 857999 ngày 14-9-2018 cho ông Nguyễn Văn H và vợ là bà Hà Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H về việc hỗ trợ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho bà Phạm Thị H để bà H di chuyển các tài sản trên thửa đất số 262 tờ bản đồ 05, tại thôn N, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị H

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Nguyễn Văn H, bà Hà Thị T 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tam ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007523 và số 0007524 ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn bà Phạm Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Phạm Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Thu